

PHIẾU ÔN TẬP TOÁN GIỮA KÌ 1 LỚP 5

Bài 1: Hỗn số $3\frac{2}{5}$ viết dưới dạng phân số là:

- A. $\frac{17}{5}$ B. $\frac{15}{5}$ C. $\frac{6}{5}$ D. $\frac{5}{17}$

Bài 2: a) Phần nguyên của số 9042,54 là :

- A. 54 B. 904254 C. 9042 D. 9042,54

b) Chữ số 5 trong số thập phân 9042,54 có giá trị là ?

- A. Phần triệu B. Phần trăm C. Phần mười D. Phần nghìn

Bài 3: $7\text{cm}^2 90\text{mm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$ số thích hợp viết vào chỗ chấm là:

- A. 79 B. 7,9 C. 790 D. 7900

Bài 4: Chiều dài $\frac{4}{5}\text{m}$, chiều rộng $\frac{1}{2}\text{m}$. Chu vi của một hình chữ nhật là.

- A. $\frac{5}{7}\text{m}$ B. $\frac{10}{7}\text{m}$ C. $\frac{13}{5}\text{m}$ D. $\frac{13}{10}\text{m}$

Bài 5: Điền dấu < ; > ; = ; thích hợp vào chỗ chấm:

- a) 3,025 ... 2,075 b) 56,009 ... 56
c) 42dm4cm ... 424cm d) 9,01kg ... 9010g

Bài 6: Chuyển các phân số sau thành phân số thập phân: a. $\frac{32}{40} =$ b. $\frac{5}{20} =$

Bài 7: Viết các phân số sau theo thứ tự từ lớn đến bé: $\frac{5}{18}$; $\frac{4}{3}$; $\frac{5}{6}$

- A. $\frac{5}{18}$; $\frac{5}{6}$; $\frac{4}{3}$ B. $\frac{4}{3}$; $\frac{5}{18}$; $\frac{5}{6}$ C. $\frac{5}{18}$; $\frac{4}{3}$; $\frac{5}{6}$ D. $\frac{4}{3}$; $\frac{5}{6}$; $\frac{5}{18}$

Bài 8: Sáu mươi bốn đơn vị, một phần mười, tám phần trăm được viết là?

- A. 64,18 B. 64,108 C. 6,018 D. 64,0108

Bài 9: Phân số $\frac{35}{100}$ viết dưới dạng số thập phân là:

A. 0,035

B. 0,35

C. 3,05

D. 3,5

Bài 10: Phần nguyên của số 632,54 là :

A. 54

B. 63254

C. 632

D. 632,54

Bài 11: Chữ số 5 trong số thập phân 487,54 có giá trị là ?

A. Phần mười

B. Phần trăm

C. Phần triệu

D. Phần nghìn

Bài 12: $7\text{cm}^2 2\text{mm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$ số thích hợp viết vào chỗ chấm là:

A. 7,2

B. 720

C. 7,02

D. 7200

Bài 13: Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

a) 1,5 tấn =kg

b) $5000\text{m}^2 = \dots\dots\dots$ ha

Bài 14: Viết các số thập phân sau theo thứ tự từ bé đến lớn:

34,075; 34,257; 37,303; 34,175

Bài 15: Khoanh tròn vào chữ cái trước câu trả lời đúng nhất

a) Số thích hợp viết vào ô trống $3,95 \square 2 < 3,9512$ là:

A. 2

B. 1

C. 0

D. 3

b) Cho số đo 68,653m chữ số 5 có giá trị là:

A. 5m

B. $\frac{5}{10}$ m

C. $\frac{5}{100}$ m

D. $\frac{5}{1000}$ m

Câu 16: Viết số thích hợp vào chỗ chấm.

5 tấn 75 kg =kg.

$3\text{m}^2 25\text{cm}^2 = \dots\dots\dots\text{cm}^2$.